

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BQL DỰ ÁN ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (DỰ KIẾN, ĐỢT 1) CÔNG TRÌNH: KHẮC PHỤC CÁC ĐIỂM SẠT LỖ BỜ SÔNG TRÀ CÂU
ĐOẠN QUA PHƯỜNG PHỔ MINH, THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

Địa điểm: Phường Trà Câu, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Thông báo số 2894/TB-BQLDDCN, ngày 17/8/2026 của Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh)

ĐVT: đồng

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ	Bồi thường về đất	Bồi thường về tài sản		Hỗ trợ			Thưởng tiền độ bản giao mặt bằng (khoản 7 Điều 111; Điều 15 Quyết định số 32/QĐ-UBND)	Tổng cộng
				Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình	Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở có nhà ở (50% giá đất ở của thửa đất đó trong bảng giá đất)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=(4+5+6+7+8+9+10)
1	Hộ ông Mai Văn Tuất		20.073.370	697.000	198.000	2.835.000	99.926.000			123.729.370
2	Ông Nguyễn Văn Tiến		6.541.210			472.500	32.662.500			39.676.210
3	Ông Nguyễn Văn Truyền		5.857.800			472.500	29.250.000			35.580.300
4	Ông Nguyễn Văn Trường		6.375.990			472.500	31.837.500			38.685.990
5	Ông Nguyễn Văn Tấn		20.494.790			472.500	102.337.500			123.304.790
6	Hộ bà Ngô Thị Kim Khanh		4.992.730		402.050	2.835.000	24.854.000			33.083.780
7	Hộ ông Ngô Hữu Quang		15.470.600		1.133.000	945.000	77.250.000			94.798.600
8	Hộ ông Phạm Văn Tươi		10.040.100		808.500	3.307.500	49.980.000			64.136.100
9	Hộ bà Phan Thị Nhị		15.928.710		1.166.550	472.500	79.537.500			97.105.260
10	Ông Huỳnh Xuân Hồng - đại diện đồng thừa kế bà Trương Thị Lệ		3.920.220		287.100	3.307.500	19.575.000			27.089.820
11	Hộ Ông Trần Ngọc Tuấn		16.063.890	1.091.200	770.040	472.500	80.212.500			98.610.130
12	Hộ ông Huỳnh Thanh Khiết		1.524.530		73.080	1.890.000	7.612.500			11.100.110
13	Hộ bà Bùi Thị Sửu		1.194.090		87.450	472.500	5.962.500			7.716.540
14	Hộ bà Lê Thị Năm		683.410	0	50.050	945.000	3.412.500			5.090.960
15	Hộ bà Nguyễn Thị Lệ		848.630		62.150	2.835.000	4.237.500			7.983.280
16	Hộ bà Nguyễn Thị Thanh Minh		1.344.290		98.450	1.417.500	6.712.500			9.572.740
17	Bà Trương Thị Mỹ - đại diện thừa kế hộ ông Trương Có (chết)		9.657.860		707.300	15.592.500	48.225.000			74.182.660

18	Ông Hồ Văn Thuấn và bà Huỳnh Thị Hạnh		69.692.800		11.203.800	5.670.000	123.000.000	828.000.000		1.037.566.600
19	Ông Trương Tấn Lộc - đại diện thừa kế hộ ông Trương Có (chết)		6.741.210		542.850	8.505.000	33.558.000			49.347.060
20	Hộ bà Huỳnh Thị Nhiên và ông Nguyễn Thanh Sơn		7.390.060		595.100	1.417.500	36.788.000			46.190.660
21	Ông Nguyễn Trọng, bà Nguyễn Thị Dư, bà Nguyễn Thị Lợi, bà nguyên Thị Thừa - đồng thừa kế hộ ông Nguyễn Bá (chết)		57.248.730	47.487.552	20.696.300	2.835.000	63.862.500	816.960.000		1.009.090.082
22	Ông Lê Văn Đệ, ông Lê Văn Huỳnh, ông Lê Văn Toàn, ông Lê Văn Tĩnh, bà Lê Thị Xuân Tứ - đồng thừa kế hộ ông Lê Văn Kính (chết)		64.796.280	23.327.736	9.213.000	5.670.000	100.912.500	819.306.000		1.023.225.516
23	Ông Huỳnh Quang Miễn		68.426.360	26.513.064	39.793.200	4.725.000	341.428.000			480.885.624
24	Hộ bà Nguyễn Thị Nhỏ		3.353.530		148.700	2.362.500	0	17.676.000		23.540.730
25	Bà Lê Thị Hoa, bà Huỳnh Thị Thanh, ông Huỳnh Quang Tùng, ông Huỳnh Thanh Tâm - đồng thừa kế hộ ông Huỳnh Tuấn (chết)		3.681.370		420.000	2.835.000	0	19.404.000		26.340.370
Tổng cộng			422.342.560	99.116.552	88.456.670	73.237.500	1.403.134.000	2.501.346.000	0	4.587.633.282